



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Ngoại Ngữ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Lần ban hành: 04

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Ngày ban hành: 20/06/2025

Trình độ đào tạo: Đại học

Số trang: 18

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Mã số: 7220204

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: Chủ nghĩa xã hội khoa học Tiếng Anh: Science socialism							
- Mã số học phần: SSO0071							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Các môn học chung							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table><tr><td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td><td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td></tr><tr><td>☒ Kiến thức cơ sở ngành</td><td>☐ Học phần dạy học dự án</td></tr><tr><td>☐ Kiến thức ngành</td><td>☐ Kiến thức khác</td></tr></table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn							
- Số tín chỉ: (ghi số tín chỉ); 02 + Số tiết lý thuyết: 25 + Số tiết thực hành/thảo luận: 10 + Số tiết thực tế ngoài trường: 00 + Số tiết dạy học dự án: 00							

+ Số tiết tự học: 70
- Điều kiện tham gia học phần: • Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin - Mã số HP: PML0031 • Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lê nin - Mã số HP: EML0031 • Học phần song hành: Không
- Yêu cầu của học phần: - Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 75%. - Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo; - Tham gia đầy đủ các bài thực hành; - Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa học cơ bản

1.2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Thạc sĩ Phạm Thanh Tuấn

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học cơ bản, trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương
- Điện thoại: 0933212243 Email: tuankra162@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu về lý thuyết và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phân tích các con đường và phương pháp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia.

Giảng viên 2: Thạc sĩ Nguyễn Ngọc Diệp

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học cơ bản, trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương
- Điện thoại: 0367970855 Email: diepngoc@thanhdong.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Triết học; quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học nghiên cứu về hệ thống lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội, được xây dựng trên nền tảng của các nguyên lý khoa học và lý luận của Karl Marx và Friedrich Engels.

Học phần bao gồm các nội dung:

Nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội từ thời kỳ cổ đại đến hiện đại, bao gồm các phong trào xã hội và các nhà tư tưởng đã đóng góp vào sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Phân tích các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm các khái

niệm về đấu tranh giai cấp và các quy luật vận động của xã hội.

Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu và phân tích của chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Nghiên cứu các mô hình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở các quốc gia khác nhau, cũng như những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn. Điều này bao gồm cả thành công và thất bại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá và phản biện các lý luận đối lập và phê phán chủ nghĩa tư bản từ góc nhìn của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Đề ra các xu hướng và triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh toàn cầu hiện nay và tương lai.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives– COs)

Bảng 1: Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần

Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CĐR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Môn học trang bị cho Sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân tộc tôn giáo, vấn đề xây dựng gia đình hiện nay.	PLO1	3/6
CO2	Trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH của nước ta. Từ đó áp dụng, mở rộng khả năng ứng biến, thích nghi khi đàm phán, giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong công việc của bản thân trong tổ chức.	PLO5	3/5
CO3	Có thái độ làm việc nghiêm túc, tự học hỏi phục vụ công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	PLO11,12	3/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Bảng 2: Mô tả chuẩn đầu ra của học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

PLOs ngành Ngôn ngữ Trung Quốc phân nhiệm cho HP Chủ nghĩa xã hội khoa học			CLOs chủ nghĩa xã hội khoa học				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (L,T,U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO1 [1.1.1]	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	3/6	CLO1 [1.1.1.1]	Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản trong học phần CNXH	ITU	2/6	Chương 1,2,3,4,5,6,7
			CLO2 [1.1.1.2]	Vận dụng được lý luận của CNXH trong xây dựng CNXH ở Việt Nam	ITU	3/6	Chương 2,3,4,5,6,7
PLO5 [2.1.1]	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	CLO3 [2.1.1.1]	Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.	ITU	3/5	Chương 2,3,4,5,6 Chương 1,2,3,4,5,6,7
PLO11 [3.1]	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	3/5	CLO4 [3.1.1]	Tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về CNXH và kiên định vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, chống lại những âm mưu chống phá CNXH.	U	4/5	Chương 2,3,4,5,6,7
PLO12 [3.2]	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.	3/5	CLO5 [3.2.1]	Làm việc nghiêm túc, đạo đức trung thực khách quan, đóng góp sức mình vào xây dựng CNXH và tin tưởng vào chủ trương đường lối của Đảng về xây dựng CNXH	U	4/5	Chương 2,3,4,5,6,7

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các bài giảng cho việc đạt CĐR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO1		PLO5	PLO11,12	
CLOs	Kiến thức chung		Kỹ năng chung	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Bài giảng	1	2	3	4	5
	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[2.1.1.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
Chương 1	x				
Chương 2	x	x	x	x	x
Chương 3	x	x	x	x	x
Chương 4	x	x	x	x	x
Chương 5	x	x	x	x	x
Chương 6	x	x	x	x	X
Chương 7	x	x	x	x	x

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của học phần)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1.Đánh giá quá trình			50		
<i>A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập</i>			20		

Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	CLO1,2,3,4,5	10	Điểm danh trên lớp	Các buổi học
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp và bài tập về nhà	CLO1,2,3,4,5	10	Thông qua các hoạt động trên lớp và mức độ hoàn thành bài tập về nhà	Các buổi học
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
	A1.2.1. Bài kiểm tra 1	CLO1,2	30	Tự luận	Chương 1,2,3
	A1.2.2. Bài kiểm tra 2			Tự luận	Chương 4,5,6,7
A2. Đánh giá cuối kì			50		
	Thi cuối kì	CLO1,2		Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLOs	Kiến thức chung		Kỹ năng chung	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	1	2	3	4	5
	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[2.1.1.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
Bài ĐG					
A1.1	x	x	x	x	x
A1.2	x	x			
A2	x	x			

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL/TH/ TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học 1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 LT, 0TL	CLO1	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu và tóm tắt các nội dung chính, thảo luận các nội dung bài học	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL/TH/ TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
2	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1. Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam Thảo luận về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.	4LT/1TL	CLO1,2,3,4,5	Thuyết trình, phát vấn, hỏi đáp...	Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu ; làm các bài tập giảng viên giao và thảo luận nhóm...	A1.1 A1.2
3	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Chủ nghĩa xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Thảo luận về CNXH, thời kỳ quá độ lên CNXH...	4LT/1 TL	CLO1,2,3,4,5	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp	Sẵn sàng trình bày khi được yêu cầu ; làm các bài tập giảng viên giao và thảo luận nhóm	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL/TH/ TT)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
4	Kiểm tra bài số 1 (01 tiết) Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam Thảo luận vấn đề dân chủ, nhà nước...	4LT/01TL	CLO1,3	Thảo luận, trình bày, giải đáp Trình bày,	Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	A1.1 A1.2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL/TH/ TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	Chương 6: Vấn đề Dân tộc và Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH 1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam Thảo luận: vấn đề dân tộc, tôn giáo, quan hệ giữa vấn đề dân tộc tôn giáo ở Việt Nam	4LT/1TL	CLO1,2,3,4,5	hỏi – đáp....	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu và tóm tắt các nội dung chính, thảo luận các nội dung bài học	A1.1 A1.2
	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4LT/1TL	CLO1,2,3,4,5	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép - Đọc trước tài liệu và tóm tắt các nội dung	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/BT/TL/TH/ TT)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH Thảo luận: cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ, gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ. Bài kiểm tra số 2 (01 tiết)				chính, thảo luận các nội dung bài học	

Ghi chú:

(2) Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.

(3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương;

(4) Liệt kê các CDR của học phần (ghi kí hiệu CLO) liên quan.

(5) PP giảng dạy: Nêu PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR;

(6) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập thường xuyên số....

(7) Liệt kê các bài đánh giá liên quan (kí hiệu A.x.x).

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính, bài giảng			
1	Bộ giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình CNXH khoa học	NXB. Chính trị Quốc Gia
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	PGS,TS, Đỗ Thị Thạch	2022	Hỏi đáp môn CNXH khoa học	NXB. Chính trị quốc gia sự thật
2	Hội đồng trung ương	2002	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3	Pedro P.Geiger	2015	Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa quốc tế và CNXH thời toàn cầu	Tạp chí Thông tin khoa học lý luận, số 3

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Tham khảo về CNXH	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap	

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B	- Máy chiếu	01	Chương 1,2,3,4,5,6,7

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiệu biết trên video.	50%

Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác,	30%

		công cụ thể.	thành viên trong nhó		phối hợp tốt giữa các thành viên.	
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%

Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

- **Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Trưởng khoa

Hải Dương, ngày tháng năm

Người biên soạn

